

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 7 – 2022
“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Kim Kinh
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2022/QĐXXS-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1977; địa chỉ: Số nhà 157/26 đường H, tổ 1, phường TP, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số nhà 157/26 đường H, tổ 1, phường TP, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L, bị đơn Nguyễn Ngọc T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 08/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Chị L và anh Nguyễn Ngọc T sau thời gian tìm hiểu, yêu nhau thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 31/7/2002 theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thiếu sự tin yêu, tôn trọng vợ, luôn có xu hướng quản lý chị L một cách quá mức trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày: Quản lý chuyện ăn, mặc quần áo của chị Lê; không cho chị L giao lưu, tiếp xúc với đồng nghiệp, bạn bè và hàng xóm xung quanh. Nếu chị L làm trái ý thì anh T còn dùng lời lẽ uy hiếp, đe dọa và thậm chí dùng vũ lực để buộc chị L phải thực hiện theo sở thích, ý muốn của anh T. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của vợ chồng và cả các con; làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, căng thẳng; hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa chị L và anh T thường xuyên kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị L không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Chị L và anh Nguyễn Ngọc T có 02 con chung tên là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/3/2003 và Nguyễn Ngọc Bảo U, sinh ngày 31/01/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Bảo U và yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi U đủ 18 tuổi. Đối với con chung tên Nguyễn Bảo T1, đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản trình bày ngày 06/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Ngọc T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Mỹ L về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh T thừa nhận là có xu hướng quản lý một cách quá mức đối với chị L nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Đây là tính cách, cách ứng xử có phần xuất phát từ đặc thù công việc của anh T nên anh T thừa nhận khuyết điểm và sẽ thay đổi. Hiện tại anh T vẫn yêu thương vợ và mong muốn các con có đầy đủ cha mẹ nên tha thiết mong chị L bỏ những lỗi lầm của anh T để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống xây dựng hạnh phúc và chăm lo cho các con. Vì vậy, anh T không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/3/2003 và Nguyễn Ngọc Bảo U, sinh ngày 31/01/2008 như chị L trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T thì anh T đồng ý theo yêu cầu của chị L: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo U, sinh ngày 31/01/2008 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T sẽ cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Đối với con chung tên Nguyễn

Bảo T1, sinh ngày 26/3/2003, đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Ngọc T ly hôn;

+ Về con chung: Giao Nguyễn Ngọc Bảo U, sinh ngày 31/01/2008 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu U mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi

+ Về tài sản chung: Không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với bị đơn Nguyễn Ngọc T. Trong vụ án này, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T có địa chỉ nơi cư trú tại: Số nhà 157/26 đường H, tổ 1, phường TP, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Hôn nhân giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L với bị đơn Nguyễn Ngọc T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh T đã tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường có xu hướng kiểm soát quá mức đối chị L trong cuộc sống hàng ngày nên cuộc sống vợ chồng thiếu sự tin yêu, tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù đã có nhiều cố gắng hòa giải hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ

chồng là không thể khắc phục được chị Lê vẫn luôn kiên quyết ly hôn với anh T vì xét thấy không thể nào sống chung với nhau được nữa.

Anh Nguyễn Ngọc T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và muốn các con có gia đình đầy đủ tình yêu thương của cha mẹ nhưng anh T cũng khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã với nhau là do những khuyết điểm của anh T trong quan hệ vợ chồng; đồng thời, không có phương án, giải pháp khả thi để có thể hóa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc T là trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài hơn được nữa. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo T1, sinh ngày 26/3/2003 và Nguyễn Ngọc Bảo U, sinh ngày 31/01/2008. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn ngọc bảo U và yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T nhất trí theo yêu cầu về con chung của chị L nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của chị L và anh T. Đối với con chung tên Nguyễn Bảo T1, đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, Lệ phí tòa án số 0001988, ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ L. Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng cho con:

- Giao Nguyễn Ngọc Bảo U, sinh ngày 31/01/2008 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

- Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001988, ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

- Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hòa

